

Bà và ông R tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 01/9/2003 tại Ủy ban xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39/2003. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp. Ông R bị cảm điếc bẩm sinh bà không sao bày tỏ được vấn đề. Vợ chồng bà đã sống ly

thân hơn 7 tháng. Nay tình cảm không thể hàn gắn, cuộc sống chung không hòa hợp, nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông R.

Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Hữu N, sinh ngày 21/02/2003 và Mai Huỳnh Thị N, sinh ngày 20/11/2007 hiện nay đang ở với ông R. Khi ly hôn, bà T đồng ý để ông R nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Mai Văn R trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Ông không đồng ý ly hôn với bà T vì còn rất thương vợ, mong bà T quay về đoàn tụ gia đình. Khi bà T bỏ đi, ông có đi tìm nhưng không gặp. Về con chung: có 02 con chung tên Mai Hữu N, sinh ngày 21/02/2003 và Mai Huỳnh Thị N, sinh ngày 20/11/2007. Nếu ly hôn thì ông R sẽ nuôi hai con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý Lê Văn H: Yêu cầu khởi kiện của bà T không phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do thời gian ly thân giữa bà T và ông R là quá ngắn. Ông R tha thiết mong bà T về vì còn thương vợ. Ông R cũng đã đi tìm bà T về nhưng không gặp. Nếu ly hôn thì ông R yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN X phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Mai Văn R. Ông R đang cư trú tại xã MT, HUYỆN X, tỉnh Long An, nên Tòa án nhân dân HUYỆN X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông R kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 01/9/2003 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TH. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông R không nói được, nên bà không bày tỏ được tình cảm. Vợ chồng bà T đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Bà T kiên quyết xin ly hôn với ông R.

Xét thấy, từ khi vụ án được thụ lý cho đến nay, ông R không đồng ý ly hôn với bà T vì cho rằng còn thương vợ nhưng đến nay ông cũng không có bất kỳ giải

pháp nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Bà T đã bỏ nhà đi từ năm 2017 đến nay không về sống chung với ông R, đã không còn thực hiện những hành động yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ cùng nhau chia sẻ các công việc gia đình và cố tình tránh né ông R. Bà T có đơn xin vắng mặt thể hiện sự kiên quyết ly hôn với ông R.

Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà T, ông R là trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà T phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà T có 02 con chung tên Mai Hữu N, sinh ngày 21/02/2003 và Mai Huỳnh Thị N, sinh ngày 20/11/2007. Hiện nay, con chung đang ở với ông R. Khi ly hôn, bà T đồng ý để ông R nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con. Ông R cũng đồng ý nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Xét thấy, con chung của bà T và ông R hiện nay đang sống chung với ông R. Hơn nữa, cháu Mai Hữu N có nguyện vọng sống chung với ông R, còn bé Mai Huỳnh Thị N thì tuy không thể hiện quan điểm của bé khi Tòa án tiến hành lấy lời khai, nhưng để đảm bảo ổn định cuộc sống, tránh việc thay đổi hoàn cảnh sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của trẻ, nên công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Giao cháu Mai Hữu N, Mai Huỳnh Thị N cho ông R nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông R không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà Huỳnh Thị T được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông R không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T đối với ông Mai Văn R.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Mai Văn R.

2/ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Mai Hữu N, sinh ngày 21/02/2003 và Mai Huỳnh Thị N, sinh ngày 20/11/2007 cho ông Mai Văn R trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà Huỳnh Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Mai Văn R không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà Huỳnh Thị T được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003309, ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN X. Bà Huỳnh Thị T không phải nộp thêm. Ông Mai Văn R không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm, ông Mai Văn R có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA HUYỆN X;
- VKSND HUYỆN X;
- Các đương sự;
- UBND xã TĐ;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng